

Bản án số: 26/2025/DS-ST
Ngày 17 tháng 01 năm 2025
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.
- Bà Nguyễn Thị Thu Sương.

- Thư ký phiên tòa: Dương Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Triệu Nhật Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 799/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 821/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tô Bích L, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ E, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Trịnh Thị Huỳnh C, sinh năm 1981 (có mặt)

2.2. Ông Lê Hoàng P, sinh năm 1975 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Tổ B, ấp C, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Tô Bích L trình bày:

Bà L có cho vợ chồng bà C, ông P vay số tiền 172.000.000 đồng, sau đó bà C trả được số tiền 30.000.000 đồng, nên tính đến ngày 08/3/2023 vợ chồng bà C, ông P còn nợ bà L số tiền vốn vay là 142.000.000 đồng. Lúc này bà C hứa khi nào vay tiền bằng khoán (thế chấp vay ngân hàng) được thì trả nợ cho bà L. Khi vay không có thỏa thuận thời hạn

trả cụ thể, không có thỏa thuận cụ thể lãi suất. Tuy nhiên, bà C hứa hẹn nhiều lần không trả nợ; có lần bà L đến đòi tiền thì ông P có nói với bà L xin cho ông P trả tất toán 01 lần 30.000.000 đồng là dứt nợ, nhưng bà L không đồng ý, nên đến nay bà L mới khởi kiện ra Tòa án giải quyết.

Do đó, bà L yêu cầu vợ chồng bà C và ông P liên đới trả cho bà L số tiền vốn vay 142.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 10%/năm trên số tiền vốn vay 142.000.000 đồng, tính kể từ ngày 08/3/2023 cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ án.

Tại phiên hòa giải, đối chất ngày 21/11/2024, ngày 13/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trịnh Thị Huỳnh C trình bày:

Trước đây bà C có hỏi mượn tiền góp của bà L nhiều lần với số tiền 172.000.000 đồng, sau đó bà C trả cho bà L được tổng số tiền 30.000.000 đồng. Tính đến ngày 08/3/2023 thì bà C còn nợ bà L số tiền 142.000.000 đồng theo biên nhận ngày 08/3/2023, trong số tiền này thì tiền vốn chỉ có 75.000.000 đồng và tiền lãi, chứ không phải vốn 142.000.000 đồng. Không có thỏa thuận thời hạn trả; không có thỏa thuận tính lãi suất. Bà C không có hứa hẹn vay tiền thế chấp ngân hàng như bà L khai.

Khi bà C hỏi mượn tiền bà L thì chồng bà C là ông Lê Hoàng P hoàn toàn không biết, nên ông P không có ký tên trong giấy mượn tiền. Sau đó bà L đến nhà đòi tiền la chửi thì ông P mới biết sự việc.

Nay bà C không đồng ý với vốn gốc 142.000.000 đồng; xác định chỉ nợ vốn gốc 75.000.000 đồng, đề nghị cho vợ chồng bà C được trả dần liên tục tính theo mỗi đợt 04 tháng: Tháng đầu tiên đến tháng thứ ba trả 1.000.000đ/tháng, tháng thứ tư (tới vụ thu hoạch lúa) trả 10.000.000 đồng, như vậy cứ mỗi đợt 04 tháng trả được 13.000.000 đồng, trả liên tục nhiều đợt đến khi hết khoản nợ gốc 75.000.000 đồng.

Trường hợp vụ lúa nào trúng mùa thì vợ chồng bà C trả 12-13.000.000 đồng; trường hợp vụ lúa nào thất mùa, sâu bệnh, dịch hại thì trả 6-7.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải, đối chất ngày 13/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Hoàng P trình bày:

Ông P hoàn toàn không biết vợ là bà Trịnh Thị Huỳnh C hỏi mượn tiền của bà L như thế nào, khi bà C ký biên nhận nợ với bà L thì ông P cũng không biết.

Vào ngày 02/8/2024 âm lịch, bà L tới nhà vợ chồng ông P la lối, chửi bới, lúc này ông P không có ở nhà và được bà C điện thoại ông P về nhà. Khi ông P về tới nhà thì kêu bà L ngồi ghế nói chuyện đàng hoàng, lúc này bà L đưa ông P xem giấy biên nhận nợ 142.000.000 đồng, ông P nói là bà C vay mượn tiền thì ông P không biết gì hết, ông P nói ông P đứng ra trả 30.000.000 đồng là dứt nợ được không, thì lúc này bà L không đồng ý. Ngày hôm sau, bà Liên tiếp T đến nhà ông P la lối, gây rối, ông P điện công an xã T mời hai bên đến giải quyết thì bà C và bà L đã thương lượng và thực hiện trả nợ hui xong. Trước ngày đám cưới của con ông P thì bà L còn hăm vào ngày đám cưới sẽ đến quậy đám cưới, ông P có tường trình đến công an xã T biết, nhưng sau đó bà L không đến la lối

nữa. Sau đó, bà L khởi kiện đến Tòa án và được Tòa án thông báo nên vợ chồng ông P mới biết.

Ông P chỉ nghe bà C nói lại là hỏi tiền góp của bà L nhiều lần với lãi suất cao, chứ không phải vay tiền 01 lần. Khi bà C không có tiền trả thì bà L cần vốn, lãi lên và cộng dồn lại, nên trong số tiền 142.000.000 đồng có cả tiền vốn và tiền lãi. Về tiền vốn thì bà C hỏi tiền góp nhiều lần của bà L tổng tiền vốn chỉ 70-75.000.000 đồng, chứ không phải vốn 142.000.000 đồng. Ông P xác định khi bà C vay mượn tiền bà L thì ông P hoàn toàn không biết.

Ông P làm ruộng và làm thuê hàn, sửa máy móc. Bà C nội trợ, gần đây có bán quán cà phê. Ông P đi làm kiếm thu nhập là chính, bà C thì lo quản lý chi tiêu trong gia đình, bà C chi tiêu như thế nào để xảy ra nợ nần thì ông P không biết, do ông P tin tưởng vợ hàng ngày lo chi phí sinh hoạt, lo con học hành...

Nay ông P đề nghị cho vợ chồng ông P trả tiền vốn là 75.000.000 đồng, sẽ trả dần liên tục tính theo mỗi đợt 04 tháng: Tháng đầu tiên đến tháng thứ ba trả 1.000.000đ/tháng, tháng thứ tư (tới vụ thu hoạch lúa) trả 10.000.000 đồng, như vậy cứ mỗi đợt 04 tháng trả được 13.000.000 đồng, trả liên tục nhiều đợt đến khi trả hết tiền vốn là 75.000.000 đồng.

Trường hợp vụ lúa nào trúng mùa thì vợ chồng ông P trả 12-13.000.000 đồng; trường hợp vụ lúa nào thất mùa, sâu bệnh, dịch hại thì vợ chồng ông P trả 6-7.000.000 đồng.

Tại phiên tòa,

Bà L trình bày: Phù hợp với lời khai của bà L trước khi mở phiên tòa. Bà L yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà C và ông P có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền vốn vay 142.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm thi hành án. Yêu cầu ông P và bà C trả một lần dứt nợ; không đồng ý cho trả dần nhiều lần.

Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Đề nghị tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” theo Quyết định số: 06/2024/QĐ-BPKCTT ngày 22/11/2024 để đảm bảo cho việc thi hành án. Đề nghị hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng” theo Quyết định số: 07/2024/QĐ-BPKCTT ngày 22/11/2024 để bà L được nhận lại số tiền đã nộp bảo đảm.

Bà C trình bày: Phù hợp với lời khai của bà C trước khi mở phiên tòa. Bà C đồng ý trả tiền vốn gốc 75.000.000 đồng; đề nghị được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Bà C thừa nhận mục đích vay tiền của bà L để trả nợ hụi, mua bán nhỏ và lo trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình.

Ông P trình bày: Phù hợp với lời khai của ông P trước khi mở phiên tòa. Ông P đồng ý liên đới cùng bà C trả tiền vốn gốc 75.000.000 đồng, không đồng ý vốn gốc 142.000.000 đồng; đề nghị được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L. Buộc bà C và ông P có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền nợ vay 142.000.000 đồng. Bà L không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm thi hành án nên không xem xét; đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của bà L.

- Tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số: 06/2024/QĐ-BPKCTT ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang để đảm bảo cho việc thi hành án. Đề nghị hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng” theo Quyết định số: 07/2024/QĐ-BPKCTT ngày 22/11/2024, do bà L tự nguyện đề nghị hủy bỏ.

- Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự về hợp đồng dân sự vay tài sản, bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Tờ mượn tiền ngày 08/3/2023 và lời khai thừa nhận của các bên để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[3] Về hợp đồng vay tài sản:

[3.1] Căn cứ Tờ mượn tiền ngày 08/3/2023, lời khai của các bên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Giữa bà L và bà C có xác lập hợp đồng vay tài sản, thuộc loại hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn; có lãi nhưng không thỏa thuận cụ thể về lãi suất; mục đích bà C vay tiền để trả nợ hụi, mua bán nhỏ và lo trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình. Về số tiền vốn vay, theo nội dung T1 mượn tiền ngày 08/3/2023 thể hiện bà L cho bà C mượn số tiền 172.000.000 đồng. Bà L và bà C thống nhất đã trả 30.000.000 đồng nên bà C còn nợ số tiền 142.000.000 đồng, bà L cho rằng đây là tiền vốn vay. Bà C và ông P cho rằng trong số tiền 142.000.000 đồng gồm vốn vay 75.000.000 đồng và tiền lãi; tuy nhiên, bà C và ông P không đưa ra được chứng cứ chứng minh về số tiền vốn gốc nên không có cơ sở xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền vốn vay là 142.000.000 đồng.

[3.2] Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119,

463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Bị đơn bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu bà C trả số tiền vốn vay 142.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa, bà L tự nguyện không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét; đồng thời, đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của bà L.

[3.3] Tại phiên tòa, bà C thừa nhận mục đích bà C vay tiền của bà L để trả nợ hụi, mua bán nhỏ và lo trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình. Ông P đồng ý liên đới cùng bà C trả tiền nợ vay cho bà L, nên cần buộc ông P có trách nhiệm liên đới cùng bà C trả số tiền vốn vay 142.000.000 đồng cho bà L. Ông P và bà C đề nghị được trả dần 3.000.000 đồng/tháng đến khi hết nợ nhưng đề nghị này không được bà L đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

[4] Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” theo Quyết định số: 06/2024/QĐ-BPKCTT ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Xét thấy, bà L yêu cầu tiếp tục duy trì việc phong tỏa tài sản của ông P và bà C, nên cần tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bà L đề nghị hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng” theo Quyết định số: 07/2024/QĐ-BPKCTT ngày 22/11/2024, nên Hội đồng xét xử hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này, bà L được nhận lại số tiền đã nộp bảo đảm.

Phần tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận toàn bộ nên bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà L tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà C và ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 126, Điều 138, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 19 của Nghị quyết số: 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tô Bích L về việc yêu cầu bà Trịnh Thị Huỳnh C và ông Lê Hoàng P trả tiền lãi trên số tiền vốn vay 142.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tô Bích L về việc yêu cầu bà Trịnh Thị Huỳnh C và ông Lê Hoàng P liên đới trả nợ vay.

Buộc bà Trịnh Thị Huỳnh C và ông Lê Hoàng P có trách nhiệm liên đới trả cho bà Tô Bích L số tiền vốn vay 142.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu đồng).

3. Tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” theo Quyết định số: 06/2024/QĐ-BPKCTT ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang để đảm bảo cho việc thi hành án.

Hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng” theo Quyết định số: 07/2024/QĐ-BPKCTT ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Phản tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trịnh Thị Huỳnh C và ông Lê Hoàng P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.100.000 đồng (Bảy triệu một trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bà Tô Bích L số tiền 4.085.000 đồng (Bốn triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006146 ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Tô Bích L, bà Trịnh Thị Huỳnh C và ông Lê Hoàng P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

<i>Nơi</i>	<i>nhận:</i>	TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

- Dương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

Nguyễn Duy Linh

